CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số: B09-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/20
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH
2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại & Dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh: Thực phẩm
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:
6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nêu độ dài v sánh…):

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành tl tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩ toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài cl lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn Chế độ kế toán hiện hành

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

- Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi th tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo l hoạt động kinh doanh.
- Nguyên tắc chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam:
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đươ bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năn khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.
- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

+ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồ khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đ đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm g ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinl trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu k

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các

+ Các khoản cho vay; Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng ph đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định k hành.

Người ký:CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
Ngày ký:21/10/2026

- Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đố
khác

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ s
trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sả
khó khăn tương tự
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá g
trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, ch
động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái
[đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các cl
có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho]. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo p
pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp g
trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tí
chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầ
+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị h
lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực ti
việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình: Quyền sử dụng đất: Tài sản cô định vô hình thê hiện giá trị
dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được ph
phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. (Phần này chỉ có ý nghĩa mô tả)
Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp-Chi phí nghiên cứu và phát triển (nếu áp dụng
Chi phí cho hoạt động nghiên cứu được ghi nhận là chi phí của năm tài chính (kỳ hoạt động) thực
sinh chi phí đó.
Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp phát sinh từ giai đoạn phát triển chỉ được ghi n
thỏa mãn các điều kiện sau:
- Tài sản được tạo ra có thể xác định được (ví dụ như phần mềm máy vi tính và các quy trình sản
- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó; và
- Chi phí phát triển tài sản có thể xác định được một cách tin cậy.

Tài sản vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng
thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không thể ghi nhận được tài sản vô hình tạo ra từ n
doanh nghiệp, chi phí nghiên cứu phát triển được hạch toán vào khoản lãi hoặc lỗ trong năm tài ch
hoạt động) phát sinh chi phí đó.
Bằng sáng chế và thương hiệu: Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua
+ Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nh
vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất độn
tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng
trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao g
mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ
giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặ
phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. (Phần này chỉ có ý nghĩa mô tả)
Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụn
tính trong vòng X năm.
Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá
- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:
- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:
- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

+ Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) đ
sau:
(a)Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàn
người mua;
(b)Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền ki

hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết
giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên
nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày
cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất
điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
+ Doanh thu hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên
tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. (nếu có và lãi từ các k
tư được đánh giá là trọng yếu).
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng: Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận the
sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu v
liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết th
kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại
thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này kh
đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí p
các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh th
được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương
- Nguyên tắc kế toán chi phí:

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính

1. Tiền và tương đương tiền

Đơn vị

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
- Tiền mặt	9,418,524,632	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	901,985,144	
- Tương đương tiền		
Cộng	**10,320,509,776**	

2. Các khoản đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
a) Chứng khoán kinh doanh		
- Tổng giá trị cổ phiếu		
- Tổng giá trị trái phiếu		
- Các loại chứng khoán khác		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn		
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		

c) Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác		

3. Các khoản phải thu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
a) Phải thu của khách hàng	27,428,216,268	
Trong đó: Phải thu của các bên liên quan		
b) Trả trước cho người bán	1,117,180,142	
Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan		
c) Phải thu khác (Chi tiết theo yêu cầu quản lý):		
- Phải thu về cho vay		
- Tạm ứng		
- Phải thu nội bộ khác		
- Phải thu khác		
d) Tài sản thiếu chờ xử lý		
- Tiền		
- Hàng tồn kho		
- TSCĐ		
- Tài sản khác		
đ) Nợ xấu (Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi)		

4. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
- Hàng đang đi trên đường		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ	29,728,377	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
- Thành phẩm		
- Hàng hóa	23,442,422,237	
- Hàng gửi bán		
Cộng	**23,472,150,614**	
Trong đó:		
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ;		
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả;		

- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất.

- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5. Tăng, giảm tài sản cố định (Chi tiết từng loại tài sản theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp):

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	S
A. TSCĐ hữu hình				

Nguyên giá	1,034,142,637			
Giá trị hao mòn lũy kế	381,816,701		223,861,056	
Giá trị còn lại	652,325,936			
B. TSCĐ vô hình				
Nguyên giá				
Giá trị hao mòn lũy kế				

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	S
Giá trị còn lại				
C. TSCĐ thuê tài chính				
Nguyên giá				
Giá trị hao mòn lũy kế				
Giá trị còn lại				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý

- Đối với TSCĐ thuê tài chính

-Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư (Chi tiết theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp):

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	S
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
- Nguyên giá				
- Giá trị hao mòn lũy kế				
- Giá trị còn lại				
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
- Nguyên giá				
- Giá trị hao mòn lũy kế của BĐSĐT cho thuê/TSCĐ chuyển sang BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá				
- Tổn thất do suy giảm giá trị				
- Giá trị còn lại				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

7. Xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
- Mua sắm		
- XDCB		
- Sửa chữa lớn TSCĐ		
Cộng		

8. Tài sản khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
- Chi phí trả trước (chi tiết ngắn hạn, dài hạn theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp)	78,402,217	
- Các khoản phải thu của Nhà nước		
Cộng	**78,402,217**	

9. Các khoản phải trả

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
(Tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, có thể thuyết minh chi tiết ngắn hạn và dài hạn)		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
a) Phải trả người bán	5,465,120,199	
Trong đó: Phải trả các bên liên quan		
b) Người mua trả tiền trước	4,568,672,620	
Trong đó: Nhận trước của các bên liên quan		
c) Phải trả khác (Chi tiết theo yêu cầu quản lý):		
- Chi phí phải trả		
- Phải trả nội bộ khác		
- Phải trả, phải nộp khác		
+ Tài sản thừa chờ xử lý		
+ Các khoản phải nộp theo lương		
+ Các khoản khác		
d) Nợ quá hạn chưa thanh toán		

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	
- Thuế giá trị gia tăng		15,459,160,419	15,172,794,877	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
- Thuế xuất, nhập khẩu		458,699,357	458,699,357	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15,156,784	40,231,483	16,852,211	
- Thuế thu nhập cá nhân	(232,197)	102,118,100	66,309,212	
- Thuế tài nguyên				
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác				
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		5,220,000	5,220,000	
Cộng	**14,924,587**	**16,065,429,359**	**15,719,875,657**	

11. Vay và nợ thuê tài chính

Chỉ tiêu	Cuối năm	Trong năm		
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	18,811,325,599	49,962,508,094	52,589,745,849	
Trong đó: Vay từ các bên liên quan				
b) Vay dài hạn				

Trong đó: Vay từ các bên liên quan				
c) Các khoản nợ gốc thuê tài chính				
Trong đó: Nợ thuê tài chính từ các bên liên quan				
Cộng	**18,811,325,599**	**49,962,508,094**	**52,589,745,849**	

12. Dự phòng phải trả

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		
- Dự phòng phải trả khác		
Cộng		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	LNST chưa phân phối và các quỹ
A	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
Số dư đầu năm	20,000,000,000					
Tăng vốn trong năm						
Giảm vốn trong năm						
Số dư cuối năm	20,000,000,000					

- Thuyết minh và giải trình khác về vốn chủ sở hữu (nguyên nhân biến động và các thông tin khác

14. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a) Tài sản thuê ngoài (Chi tiết số lượng, chủng loại và các thông tin quan trọng khác đối với các tài ngoài chủ yếu)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuố
- Từ 1 năm trở xuống		
- Trên 1 năm đến 5 năm		
- Trên 5 năm		

b) Tài sản nhận giữ hộ (Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết về số lượng, chủng loại, quy cách, của từng loại tài sản tại thời điểm cuối kỳ)

Mã hàng	Tên hàng	Chủng loại, quy cách, phẩm chất	ĐVT	
	- Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:			
	- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp:			

c) Ngoại tệ các loại: (Thuyết minh chi tiết số lượng từng loại nguyên tệ)

d) Nợ khó đòi đã xử lý

đ) Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm, ... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn không được ghi nhận doanh thu

e) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

15. Thuyết minh về các bên liên quan (danh sách các bên liên quan, giao dịch và các thông tin kh
bên liên quan chưa được trình bày ở các nội dung nêu trên)
16. Ngoài các nội dung đã trình bày trên, các doanh nghiệp được giải trình, thuyết minh các thôn
khác nếu thấy cần thiết

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh d

Đơn vị

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	215,943,469,278	
- Doanh thu bán thành phẩm		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	279,700,000	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
- Doanh thu khác		
Cộng	**216,223,169,278**	

b) Doanh thu từ các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)

c) Trường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước, doanh nghiệp phải th
minh thêm để so sánh sự khác biệt giữa việc ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần th
gian cho thuê; Khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai do đã ghi nhận doanh thu
toàn bộ số tiền nhận trước

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	20,649,087,277	
Cộng	**20,649,087,277**	

3. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	163,170,828,243	
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá vốn khác		
- Các khoản chi phí khác được tính vào giá vốn		
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán		
Cộng	**163,170,828,243**	

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,764,021	
- Lãi bán các khoản đầu tư tài chính		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá	66,487,435	

- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	**69,251,456**	

5. Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
- Lãi tiền vay	1,048,015,484	
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm		
- Lỗ do bán các khoản đầu tư tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	197,633,751	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư vào đơn vị khác		
- Chi phí tài chính khác		
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính		

6. Chi phí quản lý kinh doanh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	4,923,043,561	
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	27,150,307,798	
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh	46,558	
- Hoàn nhập các khoản dự phòng		
- Các khoản ghi giảm khác		

7. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lãi do đánh giá lại tài sản		
- Tiền phạt thu được		
- Thuế được giảm, được hoàn		
- Các khoản khác		
Cộng		

8. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lỗ do đánh giá lại tài sản		
- Các khoản bị phạt		
- Các khoản khác	68,189,829	
Cộng	**68,189,829**	

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	40,231,483	
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập năm hiện hành		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40,231,483	

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Trình bày giá trị và lý do củ
khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự
của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
3. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán t
4. Thông tin về hoạt động liên tục:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
NGỌC THƠM
12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5. Những thông tin khác.

Lập Ngày tháng nă

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pl**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấ*

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

)16/TT-BTC
chính)

không so
về kỳ so

heo Thông

n mực kế
hính được
mực và

eo tỷ giá
kế toán
kết quả

ng tiền
ng thanh

ồm các
đến ngày
), trái
g lai và các
iữ đến

giá trị ban
khoản
h doanh
điểm mua.
chó đòi.
ải thu khó
ế toán hiện

điều kiện

g hóa cho

ểm soát

: quả của
quan đến
của Bảng
cả bốn (4)

ı số dư các

khoản đầu

:o cnınn

à chi phí
úc niên độ
ngày kết
nông tương
phụ thêm,

ıu chỉ
đối chắc

tính: VND

năm
12,377,184,591
2,151,697,939
14,528,882,530

năm

năm
14,118,566,634
2,231,046,791

năm
37,810,000
28,969,332,106
29,007,142,106

ố dư cuối năm

1,034,142,637
605,677,757
428,464,880

ố dư cuối năm

ố cuối năm

năm

năm
104,486,998
104,486,998

năm

năm
1,800,931,447
4,868,361,402

Cuối năm
286,365,542
38,536,056
35,576,691
360,478,289

Đầu năm
21,438,563,354

21,438,563,354

năm

Cộng
7

).

sản thuê

ỏi năm

phẩm chất

Số lượng

nhưng

ıác về các

ıg tin

loanh

tính: VND

trước
178,856,015,777

trước
178,856,015,777

huyết
ıeo thời
ı đối với

trước
19,976,800,078
19,976,800,078

trước
132,769,948,285
132,769,948,285

trước
7,121,392

7,121,392

trước
1,147,930,809
47,060,850

trước
3,184,828,665
21,566,260,459
1,122,190

trước

trước
87,169,158
87,169,158

trước
16,852,211
16,852,211

.a các
: hạn chế

trước):

ím
háp luật
ếu)